

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/DS-PT

Ngày 28/02/2023

V/v “Tranh chấp quyền sử  
dụng đất”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Ngọc Dũng

*Các Thẩm Phán:* Ông Lê Văn Phận

Ông Phan Thanh Tòng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Phấn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 404/2022/TLPT-DS Ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2022/DS-ST Ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện huyện P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 139/2023/QĐPT-DS Ngày 30 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1930;

Cư trú tại: Số nhà 73/5 ấp B, thị trấn P1, huyện P, tỉnh Bến Tre.

**Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn Đệ N, sinh năm 1962, cư trú tại: Số nhà 443B, Khu phố O, phường P2, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1964;

Cư trú tại: Số nhà 30/4, ấp T1, thị trấn P1, huyện P, tỉnh Bến Tre.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp Pháp của bị đơn là: Chị Lê Thị Thanh N, sinh năm 1990, cư trú tại: Ấp M1, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.*

*- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1964;
2. Chị Nguyễn Thị Bé T2, sinh năm 1986;

Cùng cư trú tại: Số nhà 30/4, ấp T1, thị trấn P1, huyện P, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị U, chị Nguyễn Thị Bé T2: Ông Nguyễn Văn Đ.*

*- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Đ là bị đơn.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn M cùng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Năm 1952, ông và bà Phan Thị K1 (P2) kết hôn với nhau. Năm 1960, vợ chồng ông được cụ Phan Văn N3 là cha vợ (cha ruột bà Phan Thị K1) cho một phần đất có diện tích khoảng 5.000m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp T1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre. Ngày 10/10/1991, ông được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời. Do vợ chồng ông không có con chung nên năm 1964 có nhận ông Nguyễn Văn Đ về làm con nuôi.

Năm 1987, bà K1 chết, ông vẫn quản lý, sử dụng phần đất này. Đồng thời, tại thời điểm đó ông đang công tác tại Ủy ban nhân dân thị trấn P nên phần đất trên ông và ông Đ cùng quản lý, sử dụng. Sau đó, ông tạm thời giao phần đất này cho ông Đ sử dụng, canh tác để nuôi vợ con ông Đ. Trên đất này ông có trồng 40 cây dừa trên 20 năm tuổi. Năm 2010, ông kê khai khi đo đạc Vlap thành các thửa 145 có diện tích 1.299m<sup>2</sup>, thửa 166 có diện tích 2.403m<sup>2</sup>, thửa 182 diện tích 1.293 m<sup>2</sup> cùng tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre. Thời gian sau này, do ông già đã để phần đất này cho ông Đ quản lý, canh tác. Nay do có nhu cầu canh tác đất để có thu nhập nên ông đã nhiều lần yêu ông Đ trả lại cho ông một phần đất để dưỡng già nhưng ông Đ không đồng ý.

Ngoài phần đất này, hiện nay ông không còn đất nào K1c nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn Đ phải trả lại cho ông phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích là 2.705m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 182, 166, 145, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp T1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre trên phần đất tranh chấp diện tích 2.705m<sup>2</sup> có 29 cây dừa (loại 1). Cụ thể như sau: Thửa 182A diện tích 684,6m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 182; Thửa 166A có diện tích 1.295,6m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 166; Thửa 145A có diện tích 724,8m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 145, cùng tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp T1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Đối với phần đất còn lại có diện tích 2.329,5m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 182, 166, 145, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp T1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre. Cụ thể: Thửa 182B có diện tích 608,8m<sup>2</sup> (trên đất có 05 cây dừa); Thửa 166B diện tích 1.107,7m<sup>2</sup> (trên đất có 13 cây dừa) và thửa 145B diện tích 613m<sup>2</sup> ông M đồng ý để lại cho ông Nguyễn Văn Đ quản lý, sử dụng không tranh chấp.

Ông đồng ý với họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa số 182, 166, 145, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P ngày 19/5/2021; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ Ngày và biên bản định giá tài sản Ngày 23/3/2021 của Hội đồng định giá huyện P; không có yêu cầu đo đạc, định giá lại.

*Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị U, chị Nguyễn Thị Bé T2 trình bày:*

Về nguồn gốc đất ông Nguyễn Văn M tranh chấp là của ông ngoại cho mẹ ông là bà Phan Thị K1 (P2) năm 1973, diện tích khoảng 4.500 m<sup>2</sup> đất, hiện nay đất này là các thửa 145 có diện tích 1.299 m<sup>2</sup>; thửa 166 có diện tích 2.403 m<sup>2</sup>; thửa 182 diện tích 1.293 m<sup>2</sup>, cùng tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre. Năm 1977, ông và ông M, bà K1 cùng quản lý, sử dụng phần đất này, vì lúc này ông M còn ở chung với ông. Năm 1979, ông lập gia đình, vợ chồng ông cùng tiếp tục canh tác. Đến năm 1987, mẹ ông là bà K1 bị bệnh chết để lại toàn bộ phần đất trên cho ông quản lý. Từ năm 1987, ông M đã bỏ nhà không còn sống chung với gia đình ông cho đến nay. Phần đất này trước đây, ông có đi kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất nhưng không biết lý do nào mà không ghi tên ông mà lại ghi tên ông M. Phần đất tranh chấp do ông và vợ ông là bà Nguyễn Thị U cùng con ông đang quản lý, sử dụng. Nay ông M yêu cầu ông trả lại một phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích là 2.705m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 182, 166, 145, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp T1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre thì ông không đồng ý, vì đất này ông bà ngoại đã cho ông quản lý trên 40 năm.

Ông đồng ý với họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa số 182, 166, 145, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P Ngày 19/5/2021, đồng ý biên bản xem xét thẩm định tại chỗ Ngày và biên bản định giá tài sản Ngày 23/3/2021 của Hội đồng định giá huyện P, không có yêu cầu đo đạc, định giá lại.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2022/DS-ST Ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện huyện P đã quyết định như sau:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ cùng các thành viên trong hộ gia đình ông Đ gồm bà Nguyễn Thị U, chị Nguyễn Thị Bé T2 phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn M phần đất có diện tích 2.705m<sup>2</sup> và cây trồng (dừa) gắn liền với đất (gồm các thửa 182A diện tích 684,6m<sup>2</sup>, thửa 166A diện tích 1.295,6m<sup>2</sup>, thửa 145A diện tích 724,8m<sup>2</sup>) thuộc một phần thửa 182, 166, 145, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp T1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Về độ dài tứ cận, vị trí thửa đất có trích lục họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền K1ng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Ngày 22/9/2023 bị đơn ông Nguyễn Văn Đ K1ng cáo bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị U, chị Nguyễn Thị Bé T2 đồng ý giao trả cho ông Nguyễn Văn M phần đất diện tích 2.705m<sup>2</sup> (gồm các thửa ký hiệu 182A diện tích 684,6m<sup>2</sup>, thửa 166A diện tích 1.295,6m<sup>2</sup>, thửa 145A diện tích 724,8m<sup>2</sup>) thuộc một phần thửa 182, 166, 145, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp T1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre. Ông M đồng ý bồi hoàn giá trị cây trồng trên phần đất diện tích 2.705m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 182, 166, 145, tờ bản đồ số 07 cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị U, chị Nguyễn Thị Bé T2 với số tiền 30.000.000 đồng. Đối với phần đất còn lại có diện tích 2.329,5m<sup>2</sup> (Thửa 182B có diện tích 608,8m<sup>2</sup>, thửa 166B diện tích 1.107,7m<sup>2</sup> và thửa 145B diện tích 613m<sup>2</sup>) và toàn bộ cây trồng trên đất thuộc một phần thửa 182, 166, 145, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp T1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre ông Nguyễn Văn M đồng ý để cho ông Nguyễn Văn Đ toàn quyền quản lý, sử dụng và sở hữu. Đối với chi phí tố tụng phía nguyên đơn tự nguyện chịu và đã nộp xong.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:*

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận toàn bộ sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật tố tụng;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế có diện tích 2.705m<sup>2</sup> (gồm các thửa ký hiệu 182A diện tích 684,6m<sup>2</sup>, thửa 166A diện tích 1.295,6m<sup>2</sup>, thửa 145A diện tích 724,8m<sup>2</sup>) thuộc một phần thửa 182, 166, 145, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp T1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre. Về nguồn gốc đất tranh chấp được nguyên đơn, bị đơn thừa nhận là của cụ Phan Văn N3 cha ruột bà Phan Thị K1 (P2) cho vợ chồng bà K1 và ông Nguyễn Văn M.

Ngày 10/10/1991 ông M được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời (tất đất, tất vàng). Năm 1998 đo đạc lập bản đồ địa chính ông M kê khai đăng ký đất, đến năm 2010 đo đạc Vlap ông M kê khai phần đất này thành các thửa 145 có diện tích 1.299m<sup>2</sup>, thửa 166 có diện tích 2.403m<sup>2</sup>, thửa 182 diện tích 1.293m<sup>2</sup>, cùng tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre. Do vợ chồng ông M, bà K1 không có con chung nên vào năm 1964 có nhận ông Nguyễn Văn Đ về làm con nuôi; đến năm 1979 ông Đ lập gia đình với bà Nguyễn Thị U. Sau khi lập gia đình ông Đ sinh sống chung với ông M, bà K1 và cùng cải tạo, canh tác và trồng dừa trên đất. Năm 1987, bà Phan Thị K1 chết, ông M và ông Đ vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất này.

[2] Ông Nguyễn Văn Đ cho rằng các phần đất thửa 182, 166, 145, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp T1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre trước đây mẹ ông là bà Phan Thị K1 có đưa vào tập đoàn sản xuất, sau đó khoán lại đất cho gia đình bà K1. Theo xác nhận của những người cao tuổi ở địa phương tại Biên bản xác minh Ngày 15/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện P đối với người làm chứng như ông Nguyễn Văn M4, ông Hồ Văn M5, ông Nguyễn Văn M6, ông Nguyễn Văn M7, ông Hồ Văn M8, ông Lê Văn M9 và ông Tô Văn M10 (BL 107 – 113) đều xác nhận về nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Phan Văn N3 cha ruột bà Phan Thị K1 (P2) cho bà K1 và ông M. Đến năm 1964 vợ chồng ông M, bà K1 nhận ông Đ về làm con nuôi và cùng sinh sống chung một gia đình. Bà K1 có đưa đất vào tập đoàn sản xuất nhưng không biết chính xác phần đất nào và sau đó tập đoàn có khoán lại cho bà K1, còn việc khoán lại như thế nào thì các ông không rõ.

Tại văn bản số 156/UBND-KT Ngày 06/4/2022 của Ủy ban nhân dân thị trấn P cho biết căn cứ vào hồ sơ địa chính năm 1998 và hồ sơ đo đạc chính lý biến

động năm 2010 (gọi chung là đo đạc Vlap) thửa đất số 45 diện tích 1.299 m<sup>2</sup>; thửa đất số 166, diện tích 2.403 m<sup>2</sup> và thửa 182 diện tích 1.293 m<sup>2</sup> cùng tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre qua hai lần đo đạc do ông M đứng tên kê khai trong hồ sơ địa chính của Ủy ban nhân dân thị trấn quản lý. Phần đất này trước đây có đưa vào tập đoàn sản xuất hay không Ủy ban nhân dân thị trấn P không nắm rõ. Ông Đ cho rằng đất có đưa vào tập đoàn sản xuất sau đó khoán lại cho hộ của bà Phan Thị K1, nhưng quá trình tố tụng ông không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày nêu trên là có căn cứ.

[3] Xét lời trình bày của ông Đ phần đất được mẹ ông là bà K1 để lại toàn bộ phần đất trên cho ông quản lý và canh tác từ năm 1987 cho đến nay. Ông có đi kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất nhưng không biết lý do nào mà không ghi tên ông mà lại ghi tên ông Nguyễn Văn M đứng tên kê khai.

Tại Văn bản số 721/CNTP-TTTLT Ngày 05/7/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P có đính kèm theo Sổ mục kê đất đai quyền số 1, thị trấn Thạnh và Văn bản số 156/UBND-KT Ngày 06/4/2022 của Ủy ban nhân dân thị trấn P cho biết căn cứ vào hồ sơ địa chính năm 1998 và hồ sơ đo đạc chỉnh lý biên động năm 2010 qua hai lần đo đạc do ông Nguyễn Văn M đứng tên kê khai trong hồ sơ địa chính của Ủy ban nhân dân thị trấn quản lý nhưng chưa được cấp quyền sử dụng đất. Ông Nguyễn Văn Đ cho rằng đất các phần đất này ông được bà mẹ ông là bà Phan Thị K1 (P2) cho ông nhưng ông không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh, cũng như quá trình canh tác đất ông không đi kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất mà do ông Nguyễn Văn M kê khai qua hai lần đo đạc và đứng tên trong hồ sơ địa chính. Do đó, ông Nguyễn Văn M khởi kiện ông cầu ông Nguyễn Văn Đ phải trả lại một phần đất có diện tích 2.705 m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 182, 166, 145, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp T1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án và đề nghị Tòa án công nhận như sau: Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị U, chị Nguyễn Thị Bé T2 đồng ý giao trả cho ông Nguyễn Văn M phần đất diện tích 2.705m<sup>2</sup> (gồm các thửa ký hiệu 182A diện tích 684,6m<sup>2</sup>, thửa 166A diện tích 1.295,6m<sup>2</sup>, thửa 145A diện tích 724,8m<sup>2</sup>) thuộc một phần thửa 182, 166, 145, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp T1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre. Ông Nguyễn Văn M đồng ý bồi hoàn giá trị cây trồng trên phần đất diện tích 2.705m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 182, 166, 145, tờ bản đồ số 07 cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị U, chị Nguyễn Thị Bé T2 với số tiền 30.000.000 đồng. Đối với phần đất còn lại có diện tích 2.329,5m<sup>2</sup> (Thửa 182B có diện tích 608,8m<sup>2</sup>, thửa 166B diện tích 1.107,7m<sup>2</sup> và thửa 145B diện tích 613m<sup>2</sup>) và toàn bộ cây trồng trên đất thuộc một phần thửa 182, 166, 145, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp T1, thị trấn P,

huyện P, tỉnh Bến Tre thì ông Nguyễn Văn M đồng ý để cho ông Nguyễn Văn Đ toàn quyền quản lý, sử dụng và sở hữu. Đối với chi phí tổ tụng phía nguyên đơn tự nguyện chịu và đã nộp xong.

Xét thấy, nội dung thỏa thuận trên của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên được công nhận theo quy định tại Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Từ những nhận định trên, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí:

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007419 Ngày 22/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2022/DS-ST Ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện huyện P, tỉnh Bến Tre.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự ông Nguyễn Văn M với ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị U, chị Nguyễn Thị Bé T2.

Căn cứ vào các điều 50, 105, 107, 127, 136 Luật đất đai năm 2003; Điều 100, 166, 203 Luật đất đai 2013; Điều 688 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc:

Ông Nguyễn Văn Đ cùng các thành viên trong hộ gia đình ông Đ gồm bà Nguyễn Thị U, chị Nguyễn Thị Bé T2 có nghĩa vụ giao trả lại cho ông Nguyễn Văn M phần đất có diện tích 2.705m<sup>2</sup> và cây trồng (dừa) gắn liền với đất (gồm các thửa ký hiệu 182A diện tích 684,6m<sup>2</sup>, thửa 166A diện tích 1.295,6m<sup>2</sup>, thửa 145A

diện tích 724,8m<sup>2</sup>) thuộc một phần thửa 182, 166, 145, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp T1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Văn M phải có nghĩa vụ bồi hoàn giá trị cây trồng trên phần đất có diện tích 2.705 m<sup>2</sup> (gồm các thửa ký hiệu 182A diện tích 684,6m<sup>2</sup>, thửa 166A diện tích 1.295,6m<sup>2</sup>, thửa 145A diện tích 724,8m<sup>2</sup>) thuộc một phần thửa 182, 166, 145, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp T1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị U, chị Nguyễn Thị Bé T2 với số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

*Kể từ Ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ Ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.*

Ông Nguyễn Văn Đ được toàn quyền quản lý, sử dụng đối với phần đất có diện tích 2.329,5m<sup>2</sup> (gồm các thửa ký hiệu 182B có diện tích 608,8m<sup>2</sup>, 166B diện tích 1.107,7m<sup>2</sup> và 145B diện tích 613m<sup>2</sup>) và sở hữu toàn bộ cây trồng trên đất thuộc một phần thửa 182, 166, 145, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp T1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

(Có họa đồ kèm theo)

Các đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền, thực hiện các thủ tục để được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét và thực hiện các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự phù hợp với nội dung bản án đã quyết định.

Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn M tự nguyện chịu và đã nộp xong.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007419 Ngày 22/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

*Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án,*



*quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ Ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM P2N - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Ngọc Dũng**